

Số: **20/2022/QĐST-VDS**

Châu Thành, ngày 17 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 571/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Phạm Hữu Nh, sinh năm 1991;

Cư trú tại: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1993;

Cư trú tại: ấp C, thị trấn D, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Hữu Nh và chị Lê Thị Ngọc D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/04/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do có bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2016 đến nay, hai bên đã sống ly thân. Nay anh Nh và chị D cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh Nh và chị D thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Nh và chị D có 01 con chung tên Phạm Gia Ph, sinh ngày 07/3/2014. Sau khi ly hôn anh Nh và chị D thỏa thuận con chung sống với anh Nh, chị D không cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nh và chị D cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh Nh và chị D phải chịu. Tuy nhiên anh Nh đồng ý tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí nêu trên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Hữu Nh và chị Lê Thị Ngọc D.

- Về con chung: Anh Nhơn được quyền nuôi con chung tên Phạm Gia Ph, sinh ngày 07/3/2014. Ghi nhận anh Nh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nh và chị D cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh Nh và chị D phải chịu. Anh Nh tự nguyện nộp toàn bộ số tiền lệ phí nêu trên nhưng anh Nh thỏa thuận trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) **mà anh đã** nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001257 ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh Nh đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAT (Phòng kiểm tra);
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN

Đã ký tên và đóng dấu

Phan Thị Mỹ Hạnh